

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 471/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 17-12-2020.  
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tơ

*Các hội thẩm nhân dân:*

- Bà Phan Thị Cẩm Hồng
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Lộc –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Văn Y - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 439/2020/TLST–HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐST –HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/12/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1990, địa chỉ: 170/1 ấp AT, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Tạm trú: 132/2 ấp AB, xã AN, huyện P, tỉnh Bến Tre. Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Bị đơn: Anh Trần Thanh S, sinh năm 1988, địa chỉ: 170/1 ấp AT, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Thị P trình bày:*

Vào năm 2007 chị P và anh S được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới; hôn nhân tự nguyện; anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Điền, huyện Thanh Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/3/2009. Trong thời gian chung sống chị P và anh S có 02 con chung tên Trần Quốc K, sinh ngày 12/4/2008 và Trần Quốc H, sinh ngày 17/12/2015; hiện 02 con chung đang sống

chung với anh S. Anh, chị có tạo lập được tài sản chung là 01 căn nhà nhưng anh chị tự thỏa thuận không tranh chấp; nợ chung: không có.

Lý do xin ly hôn: do anh chị xảy ra mâu thuẫn, anh S nghe lời cha mẹ ruột của anh S nhiều lần xúc phạm chị P, anh S có quan hệ tình cảm với người khác và chị P có trực tiếp bắt gặp anh S nhắn tin thân mật với người phụ nữ đó, chị có nhờ gia đình bên chồng khuyên ngăn nhưng anh S không thay đổi. Hiện chị P và anh S đã sống ly thân khoảng 05 tháng.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị P có các yêu cầu sau:

- Về hôn nhân: chị P yêu cầu ly hôn với anh Trần Thanh S. Sau khi ly hôn chị P không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng cho chị P.

- Về con chung: chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Quốc H, sinh ngày 17/12/2015 và chị P không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Chị P đồng ý giao con chung tên Trần Quốc K, sinh ngày 12/4/2008 cho anh S trực tiếp nuôi và chị P không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: chị P không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: chị P trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết

*Trong quá trình tố tụng bị đơn Trần Thanh S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung anh S đồng ý với lời trình bày của chị P.

Lý do không còn sống chung: anh S thừa nhận anh và chị P có xảy ra mâu thuẫn, anh S có nhắn tin điện thoại với người phụ nữ khác và bị chị P bắt gặp, sự việc xảy ra anh S có năn nỉ chị P nhưng chị P không tha thứ, trong cuộc sống có nhiều lúc tức giận anh S cũng có xúc phạm chị P nhưng anh S cũng đã xin lỗi chị P nhưng chị P không đồng ý. Hiện anh, chị đã sống ly thân khoảng 05 tháng.

Trước các yêu cầu của chị P, anh S có ý kiến sau:

- Về hôn nhân: anh S không đồng ý ly hôn do anh còn thương vợ, thương con. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P thì anh S không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng cho anh.

- Về con chung: anh S yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Quốc K và anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung. Anh S đồng ý giao con chung tên Trần Quốc H cho chị P trực tiếp nuôi và anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: anh S không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: anh S trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân

sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: trong thời gian chung sống chị P, anh S đã phát sinh mâu thuẫn. Chị P và anh S đã không còn sống chung khoảng 05 tháng; mặc dù anh S không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị P. Do đó có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị P, anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Anh Trần Thanh S có sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 170/1 ấp An Thới, xã An Qui, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị P và anh Trần Thanh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã An Điền và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/3/2009. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị P và anh S được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị P xin ly hôn với anh S là do anh chị xảy ra mâu thuẫn, anh S nghe lời cha mẹ ruột của anh S nhiều lần xúc phạm chị P, anh S có quan hệ tình cảm với người khác và chị P có trực tiếp bắt gặp anh S nhắn tin thân mật với người phụ nữ đó, chị P có nhờ gia đình bên chồng khuyên ngăn nhưng anh S không thay đổi. Hiện anh chị đã sống ly thân khoảng 05 tháng. Anh S thừa nhận anh và chị P có xảy ra mâu thuẫn, anh có nhắn tin điện thoại với người phụ nữ khác và bị chị P bắt gặp, sự việc xảy ra anh có năn nỉ chị P nhưng chị P không tha thứ, trong cuộc sống có nhiều lúc tức giận anh cũng có xúc phạm chị P nhưng anh cũng đã xin lỗi chị P nhưng chị P không đồng ý. Hiện chị P và anh S đã sống ly thân khoảng 05 tháng. Xét thấy: Hiện nay chị P và anh S không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặc dù trong quá trình tố tụng tại Tòa án anh S không đồng ý ly hôn với chị P nhưng anh S không đưa ra được các biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị P và chị P cũng không đồng ý. Hơn nữa tại biên bản xác minh ông Trần Văn Sáu N (là cha ruột anh Trần Thanh S), ông Sáu Nhỏ trình bày “...*Thời gian đầu hôn nhân hạnh phúc đến khoảng tháng 5/2020 anh S có nhắn tin qua mạng điện*

*thoại với người phụ nữ khác thì chị P bắt gặp. Thực tế anh S chỉ nhắn tin chứ không có quan hệ tình cảm với người đó và hai người chưa từng gặp mặt. Sự việc xảy ra anh S có xin lỗi và năn nỉ chị P nhưng chị P không bỏ qua mà mâu thuẫn giữa hai vợ chồng càng trầm trọng hơn. Gia đình hai bên có tổ chức hàn gắn tình cảm cho chị P và anh S nhưng chị P không đồng ý và kiên quyết nộp hồ sơ ly hôn tại Tòa án...”. Từ những cơ sở nêu trên có đủ căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị P và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P là phù hợp.*

[4] Về con chung: chị Nguyễn Thị P và anh Trần Thanh S có 02 con chung tên Trần Quốc K, sinh ngày 12/4/2008 và Trần Quốc H, sinh ngày 17/12/2015; khi ly hôn chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Quốc H, sinh ngày 17/12/2015 và chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Chị đồng ý giao con chung tên Trần Quốc K, sinh ngày 12/4/2008 cho anh S trực tiếp nuôi và chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy hiện nay con chung Trần Quốc K có nguyện vọng sống chung với anh S. Đối với con chung tên Trần Quốc H chị P và anh S thống nhất giao cho chị P trực tiếp nuôi. Nhận thấy con chung Trần Quốc K và Trần Quốc H đều được chăm sóc tốt và có sự phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Lễ đó cần giao con chung Trần Quốc K cho anh Trần Thanh S trực tiếp nuôi và giao con chung tên Trần Quốc H cho chị P trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Do chị P, anh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Do chị Nguyễn Thị P và anh Trần Thanh S không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: chị P và anh S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: chị P và anh S trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Chị Nguyễn Thị P phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị P. Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Trần Thanh S. Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Thanh S không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị P được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Quốc H, sinh ngày 17/12/2015; anh Trần Thanh S được trực tiếp nuôi con chung tên Trần quốc K (theo nguyện vọng của cháu Quốc K). Do chị Nguyễn Thị P và anh Trần Thanh S không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Thanh S có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị Nguyễn Thị P và anh Trần Thanh S có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; chị Nguyễn Thị P và anh Trần Thanh S có thể yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: chị P và anh S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị P và anh S trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị P phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003236 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã An Điền;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Tơ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Mỹ Duyên-Phan Thị Cẩm Hồng**

**Nguyễn Thị Tơ**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Dương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã An Điền;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Tơ**



